

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Sơn,
tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về
quy hoạch xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3910/TTr-SXD
ngày 23/12/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Sơn, tỉnh
Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; gồm những nội dung sau:

I. TÊN ĐỒ ÁN

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm
nhìn đến năm 2050

II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của huyện
Kim Sơn và phần mặt nước, bãi bồi và đảo vùng ven biển Kim Sơn. Phạm vi ranh
giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Yên Khánh và huyện Yên Mô;
- Phía Đông giáp huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định);
- Phía Tây giáp huyện Nga Sơn (tỉnh Thanh Hoá);
- Phía Nam giáp biển Đông.

2. Quy mô lập quy hoạch

Quy mô lập quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Kim Sơn và
khu vực vùng biển khoảng 25.974,63ha.

III. TÍNH CHẤT KHU QUY HOẠCH

- Là đơn vị hành chính cấp huyện, là khu vực kinh tế tổng hợp: Công nghiệp, vận tải biển, dịch vụ du lịch, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đóng vai trò trong sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh;

- Là vùng có tiềm năng phát triển các loại hình du lịch; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, hệ thống di tích và truyền thống lịch sử lâu đời;

- Là đầu mối giao thông quan trọng kết nối Ninh Bình với các tỉnh ven biển cũng như các khu vực kinh tế ven biển.

IV. CÁC CHỈ TIÊU, DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN

1. Quy mô dân số

- Dự báo đến năm 2030: Khoảng 230.000 người;

- Dự báo đến năm 2050: khoảng 320.000 người.

2. Nhu cầu đất xây dựng

- Đến năm 2030: Dự báo đất xây dựng toàn huyện: Khoảng 5.527ha bình quân 240m²/người.

+ Đất xây dựng khu vực đô thị: Khoảng 1.965ha bình quân 218m²/người.

+ Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn: Khoảng 3.562ha, bình quân đạt khoảng 255m²/người.

- Đến năm 2050: Dự báo đất xây dựng toàn huyện: Khoảng 7.104ha bình quân 222m²/người.

+ Đất xây dựng khu vực đô thị: Khoảng 4.576ha bình quân 317m²/người.

+ Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn: Khoảng 2.528ha, bình quân đạt khoảng 144m²/người.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG HUYỆN

1. Khung cấu trúc phát triển không gian vùng

Cấu trúc phát triển không gian tổng thể của huyện Kim Sơn là mô hình chuỗi đô thị và trung tâm từ Bắc xuống Nam: 02 đô thị, 01 trung tâm và 02 hành lang kinh tế:

- 02 đô thị và 01 trung tâm bao gồm: Đô thị Phát Diệm là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính chính trị, thương mại, dịch vụ và du lịch; Đô thị Bình Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, du lịch, dịch vụ có vai trò thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội vùng ven biển; Trung tâm Cồn Nổi (khu vực đê Bình Minh 2 đến Cồn Nổi): Hình thành trung tâm hỗn hợp, đa chức năng (phát triển đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, du lịch dịch vụ...).

- 02 hành lang kinh tế: Hành lang công nghiệp, thương mại dịch vụ, logistic dọc đường ven biển; Hành lang dịch vụ thương mại và đô thị dọc QL10, QL21B, QL12B, ĐT481, ĐT482. Trục Đông Tây là trục hỗ trợ kết nối hai hành lang trên.

2. Định hướng phát triển theo các phân vùng

Phát triển vùng huyện thành 03 phân vùng như sau:

2.1. Phân vùng 1: Phân vùng Bắc - Phân vùng phát triển đô thị

- Phạm vi: Phân vùng phát triển đô thị nằm ở phía Bắc của huyện Kim Sơn, gồm địa giới hành chính thị trấn Phát Diệm và các xã: Lai Thành, Yên Lộc, Tân Thành, Lưu Phương, Thượng Kiệt, Kim Chính, Đồng Hương, Quang Thiện, Như Hoà, Hùng Tiến, Ân Hoà, Kim Định, Hồi Ninh, Chát Bình, Xuân Chính.

- Tính chất: Là trung tâm hành chính chính trị của huyện; Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hàng hóa.

- Định hướng: Cải tạo chỉnh trang thị trấn Phát Diệm hiện hữu, mở rộng ranh giới đô thị Phát Diệm và đầu tư phát triển các chức năng mới cho đô thị đồng bộ, hiện đại. Nâng loại đô thị Phát Diệm lên loại IV; phát triển du lịch văn hóa lịch sử, tôn giáo và nông nghiệp trải nghiệm; phát triển các vùng nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ nông nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; hoàn thiện và nâng cấp hệ thống HTKT, nâng cấp và xây mới các tuyến giao thông đối ngoại.

2.2. Phân vùng 2: Phân vùng Trung - Phân vùng nông thôn

- Phạm vi: Phân vùng nông thôn nằm ở trung tâm của huyện Kim Sơn, gồm địa giới của các đơn vị hành chính các xã Cồn Thoi, Kim Mỹ, Văn Hải, Định Hoá, Kim Tân.

- Tính chất: Là vùng chuyển tiếp giữa phân vùng 1 và phân vùng 3, có vai trò hỗ trợ cho hai phân vùng này; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vận tải đường sông.

- Định hướng: Phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao; tăng cường kết nối với phân vùng 1 và phân vùng 3 dựa trên việc phát triển tuyến giao thông Đông-Tây và nâng cấp tuyến QL 12B hình thành mối quan hệ hữu cơ với 02 phân vùng này; phát triển hệ thống vận tải đường sông dựa truyền đường thủy dọc sông Đáy.

2.3. Phân vùng 3: Phân vùng Nam - Phân vùng Vùng ven biển Kim Sơn

- Phạm vi: Phân vùng Vùng ven biển Kim Sơn nằm ở phía Nam của huyện Kim Sơn, gồm địa giới của các đơn vị hành chính thị trấn Bình Minh và các xã: Kim Đông, Kim Hải, Kim Trung và khu vực từ đê Bình Minh II đến Cồn Nổi, Cồn Mờ và phần mặt nước.

- Tính chất: Là vùng kinh tế biển, phát triển đô thị, thương mại, du lịch, dịch vụ, công nghiệp, vận tải thủy và nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

- Định hướng: Bảo tồn rừng ngập mặn kết hợp khai thác du lịch sinh thái; hình thành trung tâm hỗn hợp thương mại, du lịch Cồn Nổi; phát triển nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ cao; phát triển công nghiệp, vận tải thủy.

(Phân vùng xem cụ thể tại hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

3. Định hướng phát triển đô thị

3.1. Định hướng phát triển đô thị theo các giai đoạn

Năm 2022: Kim Sơn có 2 đô thị: Thị trấn Phát Diệm, thị trấn Bình Minh tương đương là đô thị loại V.

- Năm 2023-2025: Công nhận đô thị Bình Minh và Phát Diệm là đô thị loại V. Lập, điều chỉnh quy hoạch và đầu tư theo tiêu chí đô thị loại IV.

- Năm 2026-2030: Lập quy hoạch chung đô thị Kim Sơn, tiếp tục đầu tư hoàn thiện các tiêu chí và thực hiện việc công nhận toàn huyện Kim Sơn là đô thị loại IV. Phát triển khu vực từ Đê Bình Minh 2 đến Cồn Nổi thành trung tâm hỗn hợp, hướng tới là đô thị trong tương lai. Thành lập thị xã Kim Sơn khi đủ điều kiện theo quy định.

- Năm 2031- 2050: Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng huyện Kim Sơn theo tiêu chí đô thị loại IV

3.2. Định hướng phát triển đô thị Phát Diệm

- Phân loại đô thị: Là đô thị với tiêu chí đô thị loại IV.

- Phạm vi ranh giới: Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Phát Diệm và một phần các xã Hùng Tiến, Như Hòa, Quang Thiện, Đồng Hương, Kim Chính, Thượng Kiệm, Lưu Phương, Tân Thành, Yên Lộc và Định Hóa.

- Quy mô: Diện tích hiện trạng năm 2021 là 105,304ha, đến năm 2030 là 4.239,94ha, đến năm 2050 là 4.239,94ha; Dân số đến năm 2030 là 84.000 người; đến năm 2050 là 122.000 người.

- Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ huyện Kim Sơn, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội huyện Kim Sơn; là Trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ. Là khu vực nội thị đô thị huyện Kim Sơn.

- Định hướng: Mở rộng ranh giới đô thị Phát Diệm, không gian đô thị được chia làm 2 khu vực chính gồm:

+ Khu vực nội thị phát triển đô thị thấp tầng gắn với cảnh quan hai bên tuyến sông Ân và sông Vạc, phát triển thương mại dịch vụ; khơi thông kênh rạch hiện hữu, phát triển tuyến giao thông đường thủy, tổ chức bến thuyền. Hệ thống giao thông thủy chủ yếu phục vụ du lịch; phát triển các chức năng mới cho đô thị: bảo tàng, công viên, trung tâm thương mại, phố đi bộ phục vụ du lịch...

+ Khu vực ngoại thị phát triển không gian nông nghiệp đô thị và nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm.

- Giai đoạn 2022-2023: Tổ chức rà soát lập quy hoạch chung đô thị Phát Diệm đáp ứng nhu cầu quản lý, phát triển của đô thị. Phạm vi, quy mô đô thị sẽ được xác định cụ thể theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

3.3. Định hướng đô thị Bình Minh

- Phân loại: Là đô thị loại V.

- Phạm vi ranh giới: Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Bình Minh.

- Quy mô: Diện tích hiện trạng năm 2021 là 910,67ha; Quy mô dân số đến năm 2030 là 6.200 người; đến năm 2050 là 11.300 người.

- Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hoá, thương mại, du lịch dịch vụ có vai trò thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội vùng ven biển.

- Định hướng phát triển: Phân bố các chức năng dọc theo tuyến đường bộ ven biển; Trung tâm đô thị là giao lộ của QL12B và tuyến đường bộ ven biển: tập trung các công trình công cộng dịch vụ và dịch vụ đô thị quy mô lớn; Trung tâm

cây xanh cảnh quan đô thị gắn với hồ điều hòa: tổ chức công viên, công trình dịch vụ ven hồ; bố trí kho bãi, chợ đầu mối nông sản và thủy sản, hậu cần... phía Đông đô thị, gắn với tuyến đường bộ ven biển.

Giai đoạn 2023-2025: Tổ chức rà soát lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bình Minh và các khu vực lân cận. Phạm vi, quy mô đô thị sẽ được xác định cụ thể theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt.

3.4. Khu vực đô Bình Minh II đến Côn Nôi

- Phạm vi: Từ đô Bình Minh II đến Côn Nôi.
- Quy mô: Diện tích: 9.000ha; quy mô dân số đến năm 2050 là 11.000 người.
- Tính chất: Là trung tâm dịch vụ du lịch biển của tỉnh; phát triển các khu chức năng hỗn hợp bao gồm: Phát triển đô thị mới, phát triển nuôi trồng thủy sản ứng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, công nghiệp, cảng, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm.

- Định hướng phát triển: Khu vực hạt nhân phát triển thành trung tâm hỗn hợp đô thị dịch vụ thương mại; khu vực phía Đông Bắc trung tâm phát triển công nghiệp và cảng gắn với sông Đáy, khu vực phía Tây Bắc phát triển các khu vực nuôi trồng thủy sản; rừng ngập mặn là giá trị sinh thái được bảo tồn đồng thời và khai thác như là không gian du lịch sinh thái tự nhiên; phát triển đảo Côn Nôi thành trung tâm du lịch biển đảo; xây dựng giải pháp kỹ thuật trị thủy khu vực cửa Đáy, đảm bảo giữ được không gian ven biển. Theo điều kiện thực tế, dự kiến hình thành khu vực phát triển đô thị trong tương lai.

4. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

- Khu vực các xã nông thôn: Thực hiện việc rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn được phát triển theo hướng cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo các giai đoạn phát triển. Không gian nông thôn phù hợp với định hướng chung của các tiểu vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan truyền thống, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

- Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng sản xuất gắn với cải tạo chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn hiện hữu.

- Khu làng xóm hiện hữu: Kiểm soát phát triển giữ không gian cảnh quan làng xóm truyền thống; bảo vệ được không gian nông nghiệp xung quanh, giữ mối quan hệ hữu cơ giữa làng và đồng ruộng trong phương thức sản xuất nông nghiệp; đối với các làng có tiềm năng về cảnh quan, có giá trị làng nghề truyền thống tổ chức khai thác các loại hình du lịch xanh, du lịch trải nghiệm và gắn kết được với các tuyến điểm du lịch; khu dân cư nông thôn phát triển mới, phát triển các khu dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với nhu cầu phát triển đất ở của dân cư nông

thôn, khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẹt, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

- Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng tiêu chí các xã nông thôn mới theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, theo hướng công nghiệp, hiện đại, đồng thời phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

5. Định hướng quy hoạch công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên các loại hình công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường; phát triển các ngành công nghiệp gắn với lợi thế về tài nguyên, nguồn nguyên liệu, ngành nghề truyền thống và lao động của huyện cũng như các địa phương lân cận.

5.1. Phát triển khu công nghiệp

Quy hoạch KCN Kim Sơn với quy mô khoảng 205,87ha: Là Khu Công nghiệp đa ngành thu hút các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, Công nghiệp chế biến, các dịch vụ cung ứng cho sản xuất công nghiệp, dịch vụ logistic, cảng sông Đáy..., phấn đấu đến năm 2025 đưa khu công nghiệp đi vào hoạt động, thu hút các dự án đầu tư thứ cấp, là một trong những động lực phát triển quan trọng của kinh tế vùng ven biển huyện Kim Sơn.

5.2. Phát triển cụm công nghiệp

- Mở rộng CCN Đồng Hướng quy mô khoảng 73ha, tiếp tục thu hút các ngành nghề như Công nghiệp sạch; công nghiệp hỗ trợ; linh kiện điện tử; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất đồ gia dụng; trang thiết bị nội thất; trang thiết bị đồ dùng gia đình, thủ công mỹ nghệ.

- Quy hoạch CCN Chát Bình và Xuân Chính với quy mô mỗi khu khoảng 75ha, thu hút các dự án thuộc lĩnh vực Công nghiệp sạch; Công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản; công nghiệp hỗ trợ; linh kiện điện tử; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất đồ gia dụng; trang thiết bị nội thất; trang thiết bị đồ dùng gia đình.

Quy mô, tính chất các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp sẽ xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Phát triển nông nghiệp

- Đối với ngành nông nghiệp: Chuyên đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng chú trọng phát triển chăn nuôi, dịch vụ, đồng thời duy trì tăng trưởng trồng trọt ở mức độ hợp lý. Mở rộng diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao, xây dựng các vùng chuyên canh rau, phát triển chăn nuôi tập trung.

- Đối với ngành thủy sản: Đẩy mạnh phát triển thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn trong ngành kinh tế của huyện nói chung. Đầu tư phát triển con nuôi vùng bãi bồi ven biển phát huy điều kiện tự nhiên vùng ven biển Kim Sơn.

- Đối với ngành lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác trồng, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, góp phần bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ đê biển, bảo vệ khu dự trữ sinh quyển thế giới và gắn với quốc phòng, an ninh. Kết hợp khai thác du lịch sinh thái, trải nghiệm rừng ngập mặn.

- Phân vùng lãnh thổ sản xuất

+ Vùng 1: Là vùng trồng lúa theo hướng hữu cơ, theo hướng hàng hóa chất lượng cao, phạm vi toàn bộ diện tích lúa các xã: Lai Thành, Yên Lộc, Tân Thành, Lưu Phương, Thượng Kiệm, Kim Chính, Đồng Hương, Quang Thiện, Như Hoà, Hùng Tiến, Ân Hoà, Kim Định, Hội Ninh, Chát Bình, Xuân Chính.

+ Vùng 2: Gồm các xã Côn Thoi, Kim Mỹ, Văn Hải, Định Hoá, Kim Tân. Vùng này chủ yếu trồng lúa, hoa màu đảm bảo an ninh lương thực.

+ Vùng 3: Gồm các xã Kim Đông, Kim Hải, Kim Trung và vùng đất phi hành chính là vùng chuyên nuôi trồng thủy sản, áp dụng công nghệ cao.

7. Định hướng quy hoạch phát triển du lịch, dịch vụ thương mại

7.1. Phát triển du lịch

Hình thành 02 không gian du lịch chủ đạo:

- Đô thị Phát Diệm

+ Khu vực nội thị: Phát triển không gian du lịch văn hóa, lịch sử dựa trên các giá trị nền tảng công trình di tích văn hóa sẵn có và cảnh quan sông nước; hình thành tuyến đường thủy chính phục vụ du lịch, kết nối các công trình văn hóa, di tích; tổ chức phố đi bộ phục vụ du lịch.

+ Khu vực ngoại thị: Phát triển không gian nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm;

- Khu vực đê Bình Minh 2 đến Côn Nôi

+ Khu vực trung tâm: Phát triển thành trung tâm hậu cần du lịch và tiếp đón;

+ Khu vực đảo Côn Nôi sẽ phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng;

+ Khu vực rừng ngập mặn vừa bảo tồn đồng thời phát triển các loại hình du lịch thăm quan, khám phá rừng ngập mặn;

+ Khu vực nuôi trồng thủy sản đồng thời trở thành không gian du lịch trải nghiệm, khám phá nghề nuôi trồng thủy sản; không gian mặt biển, phát triển các loại hình du lịch trải nghiệm đánh bắt hải sản, câu cá biển..., xây dựng một chợ hải sản phục vụ du lịch.

7.2. Định hướng thương mại dịch vụ

- Đối với khu vực đô thị: Quy hoạch các khu trung tâm thương mại dọc các tuyến đường, hình thành các khu vực trung tâm đô thị kết hợp dịch vụ, thương mại để tạo động lực phát triển.

- Phát triển 11 chợ hạng 3 có quy mô khoảng 3.000m²: Chợ Văn Hải - xã Văn Hải; chợ Bình Minh thị trấn Bình Minh; chợ Côn Thoi xã Côn Thoi; chợ Cách Tâm xã Xuân Chính; chợ Lưu Phương xã Lưu Phương; chợ Quy Hậu xã Hùng Tiến; chợ Chát Bình xã Chát Bình; chợ Kim Mỹ xã Kim Mỹ; chợ Quang Thiện xã Quang Thiện; Chợ Yên Lộc xã Yên Lộc; chợ Kim Tân xã Kim Tân; nâng cấp chợ đầu mối thủy, hải sản Kim Đông; Phát triển mới 01 chợ đầu mối nông sản tại gần nút giao QL10 và ĐT481D; tổ chức phố đi bộ kết hợp dịch vụ thương mại tại đô thị Phát Diệm mở rộng; tổ chức chợ hải sản phục vụ du lịch tại khu vực đê Bình Minh 2 đến Côn Nôi; phát triển mới chợ đầu mối nông sản, thủy

sản, hệ thống kho bãi logistic gắn với tuyến đường ven biển, phía Đông đô thị Bình Minh.

- Hệ thống các công trình thương mại, chợ cấp huyện, cấp đô thị và xã nông thôn được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

8.1. Công trình giáo dục, đào tạo dạy nghề

- Cơ sở đào tạo: Duy trì, nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Sơn. Quy hoạch các trường đào tạo nghề theo yêu cầu đào tạo nghề đáp ứng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

- Trường trung học phổ thông: Trường THPT bố trí đảm bảo đủ phục vụ cho học sinh trong khu ở và khu vực lân cận theo định hướng các quy hoạch chung đô thị. Duy trì, cải tạo và phát triển 04 trường trung học phổ thông (THPT Kim Sơn A, THPT Kim Sơn B, THPT Kim Sơn C, THPT thị trấn Bình Minh). Quy hoạch bổ sung 02 trường trung học phổ thông: 01 trường tại đô thị Bắc Quốc lộ 10 (phía Đông Nam đô thị Phát Diệm) và 01 trường tại khu vực đô thị Cồn Nổi.

- Đối với công trình giáo dục cấp đơn vị ở cấp xã: Được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

8.2. Công trình y tế

- Đối với công trình y tế cấp Huyện: Chính trang, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn tại đô thị Phát Diệm, từng bước chuyển Bệnh viện đa khoa huyện về vị trí mới trong khu vực quy hoạch đô thị Phát Diệm mở rộng; bổ sung Phòng khám đa khoa tại đô thị Cồn Nổi. Định hướng quy hoạch các trung tâm y tế, bệnh viện tại các khu vực theo quy hoạch phát triển đô thị; Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

- Đối với công trình y tế cấp đô thị, cấp xã: Xác định theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

8.3. Cơ sở văn hóa, thể dục thể thao

- Đối với trung tâm văn hóa thể thao cấp Huyện: Quy hoạch Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện tại khu vực quy hoạch đô thị Phát Diệm mở rộng.

- Hệ thống các trung tâm văn hóa - thể thao cấp đô thị và xã nông thôn được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng, đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

Vị trí, quy mô các công trình sẽ được cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn và các quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Định hướng quy hoạch giao thông

1.1. Đường bộ

- Quốc lộ: Thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ QL.10, QL.12B, QL.21B, đường ven biển..., theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường tỉnh: Xây dựng mới tuyến đại lộ Đông - Tây, kết nối Kim Sơn với các huyện thị phía Tây Nam và trục giao thông chính của tỉnh. Các tuyến đường tỉnh ĐT.480, ĐT.481D, ĐT.482, ĐT.482B, ĐT.482C, ĐT.482D... đi qua huyện thực hiện nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo kết nối từ các tuyến quốc lộ đến các khu du lịch, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các đô thị mới. Các tuyến đề kết hợp đường giao thông: Quy mô thiết kế phù hợp với chức năng kết hợp.

- Đường giao thông nông thôn: Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo các quy hoạch xây dựng nông thôn và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Ninh Bình. Nâng cấp, bổ sung các tuyến đường kết nối các khu chức năng với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh.

- Đường đô thị: Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông theo quy hoạch đô thị.

- Các công trình phục vụ giao thông: Nâng cấp, nâng hạng các bến xe Lai Thành, Bình Minh, Kim Đông, từng bước chuyên đổi mô hình bến xe Kim Sơn thành bến xe buýt, bến xe Kim Sơn chuyển về vị trí mới tại xã Tân Thành theo quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt, kết hợp bãi đỗ xe phù hợp với quy hoạch đô thị và quy hoạch phát triển hệ thống giao thông tỉnh.

- Cầu vượt sông: Xây dựng mới và duy tu cải tạo hệ thống cầu thuộc các quốc lộ, đường ven biển và trên các tuyến đường theo cấp hạng đường quy hoạch.

1.2. Đường thủy

- Cảng biển: Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch cảng biển Ninh Bình tại huyện Kim Sơn, kết nối khu kinh tế biển Kim Sơn tới cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; cảng hành khách Cồn Nổi phục vụ du lịch.

- Đường thủy nội địa: Thực hiện theo Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và phương án quy hoạch hệ thống cảng, bến thủy nội địa trong Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hướng tuyến, quy mô các tuyến đường, công trình đầu mối giao thông được xác định cụ thể theo các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các quy hoạch chuyên ngành có liên quan và các dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định.

2. Cao độ nền, phòng chống thiên tai và quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

2.1. Giải pháp phòng chống thiên tai

- Đề điều: Nâng cấp, gia cố đê kè tại những vị trí xung yếu, vị trí đê chưa đảm bảo cao trình chống lũ theo thiết kế như: đê sông Đáy (thuộc đê cấp II, đảm

bảo chống lũ P= 2%); đê hữu và tả Vạc (thuộc đê cấp III, tiêu chuẩn chống lũ P= 2%); hoàn thiện hệ thống đê Biển Bình Minh 1, BM2, BM3. Riêng đê BM4 (gồm 03 giai đoạn 1,2 và 3) (thuộc đê cấp III và IV, đảm bảo chống bão cấp 9 tổ hợp với triều cường ứng với tần suất P= 5%). Xây dựng tuyến đê kè chắn sóng từ đê BM4 qua Cồn Nổi đến Cồn Mờ. Xây dựng tuyến đê giảm sóng từ Cồn Mờ đến khu vực đảo Hòn Nẹ (tỉnh Thanh Hóa). Hành lang an toàn đê điều đảm bảo tuân thủ theo Luật đê điều;

- Hệ thống thủy lợi đô thị: Khơi thông và nạo vét định kỳ các trục sông, kênh tiêu trục chính trên địa bàn huyện, đảm bảo thoát nước lưu lượng tối thiểu bằng lưu lượng thiết kế mà không làm tăng mực nước cao hơn mực nước hiện tại tương ứng. Bên cạnh đó cần gia cố mái dốc các trục tiêu chính đoạn qua đô thị như: sông Cà Mau, sông Hoàn Trục, sông Vạc, sông Tùng Thiện, sông Kè Đông, Kênh Hồi Thuận, kênh Điện Biên... nhằm đảm bảo an toàn lòng dẫn của các trục tiêu;

- Hệ thống thủy lợi nông thôn: Xây dựng hệ thống kênh cấp ngọt và kênh cấp và tiêu mặn từ đê BM2, BM3 và BM4, xây dựng 02 hồ cấp nước sạch quy mô 50 ha/hồ, dẫn nước từ sông Cà Mau (01 hồ ở thị trấn Bình Minh và 01 hồ đặt ở ngoài đê BM2), đảm bảo các công trình cấp, thoát nước ngọt, nước mặn cho dân sinh, kinh tế cũng như nuôi trồng thủy hải sản từ đê BM 2 ra đến Cồn Nổi;

- Công điều tiết: Âu Kim Đài trên sông Vạc đã đi vào hoạt động có chức năng tiêu úng, thoát lũ, chống xâm nhập mặn. lấy nước phục vụ sản xuất và giao thông thủy. Bên cạnh đó, nâng cấp các công qua đê sông Đáy đã xuống cấp và tiến hành xây mới các công qua các đê Biển Bình Minh 3 và Bình Minh 4 theo hồ sơ Quy hoạch thủy lợi toàn tỉnh đã được duyệt để góp phần điều tiết nước phục vụ sản xuất nuôi trồng thủy hải sản cho vùng phía Nam của huyện;

- Trạm bơm: Nâng cấp những trạm bơm đã xuống cấp và những trạm bơm chưa đáp ứng nhu cầu chống lũ theo thiết kế, bổ sung thêm trạm bơm tiêu để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị nhằm đảm bảo an toàn chống lũ cho toàn huyện.

- Rừng phòng hộ: Bảo tồn và phát huy quỹ đất rừng phòng hộ theo kế hoạch phát triển rừng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Bình. Khuyến khích phát triển dải cây xanh chắn sóng ven biển tại khu vực cửa Đáy, góp phần ổn định nền đất, chắn gió bão từ biển tác động vào sâu trong đất liền.

2.2. Cao độ nền

Khu vực được bảo vệ an toàn bởi hệ thống đê sông Đáy, sông Cà, Âu Kim Đài nên cao độ san nền được tính toán đảm bảo an toàn tần suất chống lũ nội đồng sông Vạc là P=5% (đối với khu vực đô thị loại IV), P=10% (đối với khu vực đô thị loại V) và P=50% (đối với khu vực cây xanh, công viên ...).

- Cao độ xây dựng thiết kế khu vực phía Bắc đê BM1 là: $H_{xd} \geq 1,20m$ (khu vực dân cư nông thôn), $H_{xd} \geq 1,50m$ (khu vực đô thị và công nghiệp).

- Cao độ xây dựng thiết kế khu vực từ đê BM1 đến đê BM4 là: $H_{xd} \geq 1,30m$ (khu vực dân cư nông thôn, khu dân cư hiện hữu), $H_{xd} \geq 1,60m$ (khu vực đô thị mới).

- Cao độ xây dựng thiết kế khu vực ngoài đê BM4 có ảnh hưởng bởi sóng biển là: $H_{xd} \geq 1,30m$ kết hợp với kè chắn sóng với cao trình đỉnh kè là $H_k \geq 2,90m$ hoặc thảm đá phá sóng, rừng phòng hộ ven biển chắn sóng và gió bão...

- Cao độ xây dựng thiết kế khu vực cây xanh, mặt nước: $H_{cx} \geq 0,9m$.

Cao độ xây dựng các khu vực, các tuyến đê sẽ được xác định cụ thể theo các quy hoạch chuyên ngành và dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền.

2.3. Thoát nước mưa

- Mục tiêu: Tiến tới toàn bộ các đô thị, thị trấn và điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh.

- Hệ thống: Các khu vực dân cư mà đang dùng hệ thống cống thoát nước chung, trong tương lai cần cải tạo thành hệ thống nửa riêng hoặc riêng hoàn toàn. Các khu vực xây dựng mới, khu công nghiệp thì xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải.

- Hướng thoát: Thoát theo 02 hướng chính là ra sông Đáy và ra biển

- Lưu vực: Toàn huyện được chia làm 02 lưu vực lớn thoát ra sông Đáy và ra biển. Các phụ lưu nhỏ thì được chia phân tán ra các trục tiêu chính gần nhất, đảm bảo nước mặt được tiêu thoát một cách nhanh nhất. Cụ thể là:

+ Lưu vực sông Đáy: Gồm toàn bộ các xã thuộc phía Bắc đê biển BM1 như: xã Xuân Chính thoát ra sông Tiên Hoàng; xã Chát Bình, Hội Ninh thoát ra kênh Chát Thành; đô thị Phát Diệm, xã Lai Thành, Định Hoá, Văn Hải thoát ra sông Lạc Thiện, sông Vạc, sông Cà Mau và Hoàn Trục; xã Kim Mỹ, Kim Tân, Cồn Thoi và thị trấn Bình Minh thoát ra sông Tùng Thiện, sông Điện Biên và kênh BM1.

+ Lưu vực biển Đông: Gồm toàn bộ các xã thuộc phía Nam đê biển BM1 như: xã Kim Hải, Kim Tiến, Kim Trung, Kim Đông và khu vực đê BM2 đến Cồn Nổi thoát ra kênh tiêu mặn để dẫn trực tiếp ra biển.

- Phương án về cao độ nền, phòng chống thiên tai và quy hoạch hệ thống thoát nước mặt (quy mô các trạm bơm, hệ thống thoát nước mưa, cao độ đê, cao độ các khu vực, hệ thống thủy lợi,...) sẽ xác định cụ thể theo các quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị, nông thôn được, quy hoạch chuyên ngành có liên quan và dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong các giai đoạn.

3. Quy định hướng quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn huyện Kim Sơn đến năm 2030 khoảng $40.000m^3/ngđ$.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ sông Vạc, sông Đáy, sông Cà Mau và các hồ nước ngọt ở khu vực đê Bình Minh.

- Về dự kiến phân vùng cấp nước: Nguyên tắc phương án dự kiến phân vùng cấp nước theo hướng mở; các nhà máy nước trên địa bàn huyện Kim Sơn và địa bàn lân cận có thể cấp nước bổ sung theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Phương án dự kiến phân vùng cấp nước:

+ Thị trấn Phát Diệm và các xã dọc theo QL10: Sử dụng nguồn chính từ nhà máy nước (NMN) thị trấn Phát Diệm và nhà máy nước Yên Đồng tại xã Yên Đồng, huyện Yên Mô.

+ Thị trấn Bình Minh và xã thuộc bãi ngang Kim Trung, Kim Đông: Xây mới nhà máy nước, nguồn nước sông Cà Mau và 02 hồ nước ngọt dự kiến (Hồ 1 tại thị trấn Bình Minh và Hồ 2 tại khu vực giữa đê Bình Minh II và đê Bình Minh III).

+ Với các xã chưa có nhà máy nước sạch như: Xuân Chính, Chát Bình, Hội Ninh, Kim Định, Ân Hòa. Xây mới nhà máy nước, nguồn nước sông Đáy.

+ Các xã nông thôn: Sử dụng chính từ nguồn NHM nước nông thôn tại các xã. Nâng cấp, cải tạo và xây dựng các NMN tại các xã để đáp ứng nhu cầu cấp nước các xã.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Xây dựng đường ống truyền tải (D200 đến D400) liên kết giữa nhà máy nước với nhau đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng bao phủ toàn huyện qua các trung tâm xã.

- Phương án cấp nước (quy mô công suất các trạm cấp nước, nhà máy nước và hệ thống mạng lưới đường ống) sẽ xác định cụ thể theo các quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt và dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong các giai đoạn.

4. Định hướng quy hoạch cấp điện

- Tổng phụ tải điện yêu cầu điện khu vực là: Đến năm 2030: 35,7 MW; Đến năm 2050: 75,4 MW.

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ trạm 110kV sau: 110kV Kim Sơn, 110kV Kim Sơn 2, 110kV KCN Kim Sơn, 110kV KCN Kim Sơn 2.

- Lưới điện cao áp (220kV, 110kV): Giữ nguyên hướng tuyến đường dây 110kV hiện hữu, đảm bảo hành lang an toàn lưới điện; Xây mới tuyến đường 220kV Nhiệt điện Nam Định 1 - Hậu Lộc, chạy song song với tuyến 500kV nhiệt điện Nam Định 1 - Thanh Hóa; Xây mới tuyến 110kV Kim Sơn đến trạm KCN 110kV Kim Sơn; Xây mới tuyến 110kV cấp cho trạm 110kV Kim Sơn 2; Xây mới tuyến 110kV cấp điện cho KCN Kim Sơn 2.

- Từng bước cải tạo toàn bộ lưới điện trung thế hiện có về cấp điện áp chuẩn 22kV, dỡ bỏ các trạm trung gian. Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị phù hợp với tính chất, chức năng của công trình và tiêu chuẩn quy định.

- Quy hoạch cấp điện trên địa bàn huyện Kim Sơn sẽ được xác định cụ thể theo định hướng quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn huyện Kim Sơn và các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc

- Nhu cầu: Đến năm 2030 là 126.000 lines; đến năm 2050: 215.000 lines;

- Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng hạ tầng: Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn viễn thông liên tỉnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử

dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai. Thực hiện đảm bảo theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Ninh Bình;

- Từng bước ngầm hóa đồng bộ với các khu vực, tuyến đường, phố được nâng cấp, mở rộng, xây dựng duyệt.

6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn ở các đô thị và các KCN, CCN; hệ thống thoát nước riêng ở các khu dân cư thuộc xã, khu dân cư hiện hữu;

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt: Tại các đô thị và các KCN, CCN quy hoạch hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp. Đối với các điểm dân cư nông thôn, làng xóm và các khu dân cư phân tán bố trí các trạm xử lý cục bộ; khuyến khích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung cho các xã nông thôn khi đảm bảo điều kiện thuận lợi;

- Vị trí, quy mô công suất và hệ thống mạng lưới thoát nước thải sẽ xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

6.2. Quản lý chất thải rắn

- Tổng lượng chất thải rắn dự báo: Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 100%, nông thôn đạt trên 80% rác thải công nghiệp đạt 100%;

- Tiến hành phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đối với CTR sản xuất và y tế thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR nguy hại phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường. Mỗi điểm dân cư nông thôn, trung tâm xã xây dựng 01 trạm trung chuyển chất thải rắn;

- Chất thải rắn được thu gom đưa về khu xử lý theo quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh và các đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch 01 địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước tại khu vực xã Định Hóa.

6.3. Quy hoạch hệ thống nghĩa trang

- Các khu nghĩa trang đô thị và nông thôn: Thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức rà soát lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu nghĩa trang để thuận lợi cho quản lý, khai thác và tạo cảnh quan môi trường. Sau khi lấp đầy, khoanh vùng, cải tạo thành công viên nghĩa trang theo lộ trình cho phù hợp;

- Về dài hạn, quy hoạch mới 2 nghĩa trang cấp huyện quy mô mỗi nghĩa trang từ 10-20ha tại xã Kim Chính và xã Cồn Thoi (có bố trí nhà tang lễ trong khuôn viên nghĩa trang) phục vụ nhu cầu mai táng của người dân trên địa bàn huyện.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ về môi trường cụ thể; bảo vệ môi trường nước ngầm; môi trường đất; nước mặt; môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án cụ thể; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng vùng nông thôn.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quyết định được duyệt, công bố công khai, rộng rãi, đầy đủ nội dung quy hoạch đã phê duyệt cho các ngành, địa phương, đơn vị và nhân dân biết, đồng thời quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội; Chánh Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, VP4,2,3,5,6.

B_69_VP4_QĐ

128/TB-VPUBND ngày 20/09/2022

883-TB/TU ngày 11/11/2022

898-TB/TU ngày 01/12/2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn